

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Handwritten red text on the right edge of the page, possibly a page number or reference code.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 48

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Đường 2A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 33 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Chiew Sin Cheok	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sáng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013
Ông Lê Trọng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát	từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2013
Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2013
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Mọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 61005161/16549163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập vào ngày 26 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 27 tháng 3 năm 2013.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1



Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ngân VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.245.958.383	6.430.694.206
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	504.764.737	257.060.697
111	1. Tiền		476.131.455	256.249.447
112	2. Các khoản tương đương tiền		28.633.282	811.250
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	50.529.517	47.098.139
121	1. Đầu tư ngắn hạn		55.594.365	47.098.139
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.064.848)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.381.929.930	2.465.821.158
131	1. Phải thu khách hàng	7	994.497.035	538.447.229
132	2. Trả trước cho người bán	8	1.294.586.825	1.576.978.233
135	3. Các khoản phải thu khác	9	96.023.457	354.360.213
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(3.177.387)	(3.964.517)
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.815.432.994	3.385.032.581
141	1. Hàng tồn kho		3.818.790.113	3.388.032.471
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.357.119)	(2.999.890)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		493.301.205	275.681.631
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	42.764.563	86.976.443
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		57.577.162	58.492.899
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.445.931	4.164.902
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	12	388.513.549	126.047.387
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.076.240.605	6.288.870.716
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		25.000.000	65.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	13	25.000.000	65.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.905.593.261	4.494.731.971
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	2.518.792.872	2.353.280.925
222	Nguyên giá		3.732.427.632	3.382.975.525
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.213.634.760)	(1.029.694.600)
227	2. Tài sản vô hình	15	2.001.338.626	1.768.111.782
228	Nguyên giá		2.042.201.237	1.791.904.310
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(40.862.611)	(23.792.528)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	385.461.763	373.339.264
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	18	1.425.877.079	1.025.742.732
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	1.386.408.249	986.542.863
258	2. Đầu tư dài hạn khác	18.2	67.769.330	67.500.369
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(28.300.500)	(28.300.500)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		438.636.660	418.540.360
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	366.805.286	406.437.381
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	70.553.516	11.048.450
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.277.858	1.054.529
269	V. Lợi thế thương mại	20	281.133.605	284.855.653
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.322.198.988	12.719.564.922


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

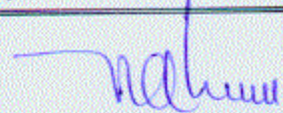
Ngàn VND

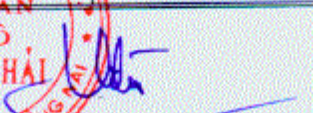
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		9.028.315.369	8.202.386.565
310	I. Nợ ngắn hạn		7.661.983.469	7.480.205.263
311	1. Vay ngắn hạn	21	3.693.321.547	5.684.908.738
312	2. Phải trả người bán	22	2.993.824.445	1.217.885.144
313	3. Người mua trả tiền trước	23	121.411.941	66.281.872
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24	600.965.937	255.035.209
315	5. Phải trả người lao động		11.980.245	1.064.138
316	6. Chi phí phải trả	25	168.308.084	157.619.788
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26	18.602.345	17.263.125
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	27	47.985.836	46.716.109
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.583.089	33.431.140
330	II. Nợ dài hạn		1.366.331.900	722.181.302
331	1. Phải trả người bán dài hạn		984.208	-
333	2. Phải trả dài hạn khác		16.503.178	100.000
334	3. Vay dài hạn	28	1.348.324.471	711.361.164
335	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	109
338	5. Doanh thu chưa thực hiện		520.043	10.720.029
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.240.575.306	4.433.711.952
410	I. Vốn chủ sở hữu	29.1	5.240.575.306	4.433.711.952
411	1. Vốn cổ phần		3.250.000.000	3.250.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		859.618.837	858.035.894
414	3. Cổ phiếu quỹ		(6.840.000)	(6.840.000)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		705.533	-
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.137.090.936	332.516.058
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		53.308.313	83.466.405
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.322.198.988	12.719.564.922

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	805.489	120.989
- Yên Nhật (JPY)	3.023.292	298.149
- Won Hàn Quốc (KRW)	2.045.815	1.450.000


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2013

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	14.751.596.657	11.302.309.101
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	30.1	(1.446.568.493)	(913.109.874)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	13.305.028.164	10.389.199.227
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	31, 34	(10.677.167.309)	(8.733.264.835)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.627.860.855	1.655.934.392
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.2	113.930.672	73.997.251
22	7. Chi phí tài chính	32	(549.334.765)	(618.134.770)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	32	(470.486.392)	(584.600.149)
24	8. Chi phí bán hàng	34	(626.796.136)	(480.286.796)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	(445.882.640)	(362.197.136)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.119.777.986	269.312.941
31	11. Thu nhập khác	33	56.500.307	102.754.228
32	12. Chi phí khác	33	(78.125.925)	(107.411.602)
40	13. Lỗ khác	33	(21.625.618)	(4.657.374)
45	14. Phần lỗ từ công ty liên kết		(2.218.869)	(2.081.151)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		1.095.933.499	262.574.416
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	(34.243.914)	(20.213.955)
52	17. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	35.3	59.505.175	2.969.029
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.121.194.760	245.329.490
61	18.1 Phần thuộc các cổ đông thiểu số		(18.481.602)	3.734.606
62	18.2 Lợi nhuận thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		1.139.676.362	241.594.884
70	19. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/ cổ phiếu)	29.5	3.509	744

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ngàn VNĐ

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.095.933.499	262.574.416
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	14, 15, 20	448.264.631	401.170.027
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		4.634.947	(19.575.738)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(35.166.333)	(26.220.080)
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		17.553.788	(13.832.421)
06	Chi phí lãi vay	32	470.486.392	584.600.149
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.001.706.924	1.188.716.353
09	Tăng các khoản phải thu		(401.362.764)	(235.411.559)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(356.660.352)	595.465.288
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.989.655.656	(280.589.053)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		83.704.177	(82.597.182)
13	Tiền lãi vay đã trả		(470.198.535)	(581.535.319)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	35.2	(33.825.136)	(16.999.338)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.175.828	5.433.350
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(36.834.594)	(2.016.524)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.778.361.204	590.466.016
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(685.752.148)	(754.551.278)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.865.374	2.371.160
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(273.139.470)	(44.663.840)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		538.643.244	650.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(450.000.000)	(2.098.237.306)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	39.090.805
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		20.035.333	10.057.950
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(848.347.667)	(2.845.282.509)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		15.602.046.010	19.648.059.705
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(16.961.600.244)	(17.080.401.811)
36	Cổ tức đã trả	29.3	(323.058.996)	(239.866.952)
	Cổ tức trả cho cổ đông thiểu số		(401.800)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(1.683.015.030)	2.327.790.942

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ngân VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		246.998.507	72.974.449
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		257.060.697	184.070.823
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		705.533	15.425
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	504.764.737	257.060.697

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2014